

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2022

*V/v xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung và thanh toán nợ chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Hoàng Văn Mừng

Ông Hứa Nguyễn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và thanh toán nợ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lộc Thị T1, sinh năm 1982. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Bế Văn T2, sinh năm 1982. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nông Thị T3, sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Ông Bế Xuân H, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn Bản Nhùng, xã Hồng Thái, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Lương Thị Y, sinh năm 1949, địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2022 và bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lộc Thị T trình bày:

Chị Lộc Thị T1 và anh Bé Văn T2 trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc gì, có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn đã chung sống với nhau được 14 năm, sau đó cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh Bé Văn T2 hay rượu chè, cờ bạc và hay chửi mắng, không tin tưởng chị Lộc Thị T1, ngoài ra còn dùng bạo lực với chị T1 nên vợ chồng đã sống ly thân nhau được 01 năm nay. Nay chị Lộc Thị T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Bé Văn T2.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bé Việt Đ, sinh ngày 29/9/2008, và Bé Minh Q, sinh ngày 13/9/2016. Khi ly hôn chị Lộc Thị T1 yêu cầu anh Bé Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai người con chung cho đến khi đủ 18 tuổi vì hiện nay chị T1 không có chỗ ở, không có việc làm và thu nhập ổn định. Chị Lộc Thị T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng cho đến khi đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo từng tháng, trường hợp chậm thanh toán sẽ chịu lãi suất chậm trả theo quy định.

Về tài sản chung: Không có

Nợ chung: Nợ bà Nông Thị T3 mẹ anh T2 số tiền 10.000.000 đồng, đã trả được một phần, đến ngày 15/7/2022 bà T3 chỉ yêu cầu thanh toán số tiền 1.000.000 đồng nên chị T1 đã thanh toán xong cho bà T3, nay không còn nợ bà T3. Nợ ông Bé Xuân H số tiền 1.000.000 đồng, ngày 15/7/2022 chị T1 đã thanh toán xong cho ông H số tiền này. Nay không có khoản nợ chung nào khác.

Bị đơn anh Bé Văn T2 tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai cũng xác vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 26/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Anh T2 thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp, nguyên nhân do chị T1 tự ý bỏ nhà đi, lần thứ nhất vào năm 2014 bỏ đi 05 tháng, lần thứ hai bỏ nhà đi từ tháng 02/2021 đến nay, không rõ vì lý do gì trong khi anh T2 không được chửi mắng chị T1, chỉ thỉnh thoảng có uống rượu say. Nay anh T2 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh T2 cũng nhất trí ly hôn với chị Lộc Thị T1.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Bé Việt Đ, sinh ngày 29/9/2008, và Bé Minh Q, sinh ngày 13/9/2016. Khi ly hôn anh T2 yêu cầu chị T1 có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bé Minh Q, con anh T2 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bé Việt Đ, vì hiện nay điều kiện gia đình anh T2 khó khăn, không đủ khả năng nuôi

dưỡng cả hai người con. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung: Hai khoản vay gồm vay bà Nông Thị T3 số tiền 10.000.000 đồng và vay ông Bé Xuân H 1.000.000 đồng. Đến ngày 15/7/2022 chị Lộc Thị T1 đã trả hết hai khoản nợ này, nay không có khoản nợ nào khác. Tài sản chung của vợ chồng: Không có

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thị T3 trình bày: Năm 2020 chị T1 có vay của bà số tiền 10.000.000 đồng. Nay bà T3 chỉ yêu cầu chị T1 trả cho bà số tiền 1.000.000 đồng. Ngày 15/7/2022 chị T1 đã thanh toán cho bà đủ số tiền 1.000.000 đồng theo yêu cầu. Nay chị T1 không còn nợ bà T3 khoản tiền nào khác và bà T3 cũng không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bé Xuân H trình bày có cho chị Lộc Thị T1 vay số tiền 1.000.000 đồng. Ngày 15/7/2022 chị T1 đã thanh toán cho ông H đủ số tiền 1.000.000 đồng theo yêu cầu. Nay ông H không có ý kiến, không có yêu cầu gì khác.

Người làm chứng bà Lương Thị Y trình bày: Bà nhất trí việc chị T1 và anh T2 ly hôn vì cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể hòa hợp được. Đối với việc nuôi con chung bà Y đề nghị để anh T2 nuôi dưỡng cả hai người con vì hiện nay cháu T1 không có chỗ ở ổn định, không có việc làm và thu nhập ổn định và làm nay đây mai đó vì chị T1 đi làm phụ hồ theo các công trình xây dựng nên không có khả năng nuôi con, việc trực tiếp nuôi con không đảm bảo. Vợ chồng bà Y đều đã già yếu nên không đủ sức khỏe để hỗ trợ cháu T1 nuôi con nếu trong trường hợp Tòa án giao con cho cháu T1 nuôi dưỡng. Bà Y nhất trí việc cháu T2 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai lập ngày 15/7/2022 cháu Bé Việt Đ trình bày: Hiện nay cháu vừa học xong lớp 8, trường tiểu học, trung học cơ sở xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Trường hợp bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn được ở với bố Bé Đức T2.

Tại phiên tòa chị Lộc Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Bé Văn T2 và yêu cầu anh T2 nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung khi vợ chồng ly hôn. Còn anh T2 đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T1, nhưng yêu cầu chị T1 có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Bé Minh Q.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt các văn bản, quyết định đúng trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lộc Thị T1 và anh Bé Văn T2. Về con chung: Giao cháu Bé Việt Đ và cháu Bé Minh Q cho anh Bé Văn T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lộc Thị T1 về việc cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng/1 tháng/1 cháu. Về nợ chung: Xác nhận chị Lộc Thị T1 đã thanh toán xong các khoản vay nợ của bà Nông Thị T3 và ông Bé Xuân H. Tài sản chung vợ chồng không có nên không xem xét. Chị Lộc Thị T1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Bé Văn T2 có địa chỉ cư trú tại: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, do vậy Tòa án nhân dân huyện Văn Quan thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Theo đơn khởi kiện chị Lộc Thị T1 yêu cầu giải quyết về ly hôn và giải quyết về con chung, nên Tòa án thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp là “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” là đúng pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lộc Thị T1 và anh Bé Văn T2 là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lộc Thị T1 thấy rằng chị Lộc Thị T1 và anh Bé Văn T2 kết hôn qua sự mai mối của gia đình nhưng được kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên sau này đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp được cả hai bên xác nhận, nay cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lộc Thị T1 và anh Bé Văn T2.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của chị Lộc Thị T1 về việc khi ly hôn anh Bé Văn T2 sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai người con chung là cháu Bé Việt Đ và cháu Bé Minh Q là phù hợp. Bởi lẽ chị T1 hiện nay không có nơi ở ổn định do đi làm phu hồ theo các công trình xây dựng nên việc giao con cho chị T1 sẽ không đảm bảo được quyền lợi của con chưa thành niên. Mặt khác hiện nay cả hai cháu đang sinh hoạt và học tập ổn định cùng với gia đình anh Bé Văn T2 kể từ khi anh T2 và chị T1 sống ly thân tháng 02/2021 đến nay. Theo văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã T thì các cháu đều được đảm bảo về điều kiện sinh sống và học tập, không bị ngược đãi gì. Chị Lộc Thị T1 không nuôi con nhưng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng như vậy là phù hợp với mức tối thiểu đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập

và phát triển bình thường đối với 01 trẻ em ở độ tuổi của cháu Bé Minh Q và Bé Minh Đức mà Ủy ban nhân dân xã T đã cung cấp cho Tòa án. Trường hợp, sau này anh Bé Văn T2 không đảm bảo được điều kiện nuôi con thì còn có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng hoặc yêu cầu thay đổi người nuôi con. Như vậy việc giao cả hai con cho anh Bé Văn T2 chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi của các con và phù hợp nguyện vọng của con chưa thành niên Bé Minh Q.

[5] Nợ chung: Xác nhận chị Lộc Thị T1 đã thanh toán xong cho bà Nông Thị T3 số tiền 1.000.000 đồng và đã thanh toán xong cho ông Bé Xuân H số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 15/7/2022 vì có biên bản giao nhận, có chữ ký xác nhận và các bên đều thừa nhận là đúng sự thật

[6] Tài sản chung: Không có do vậy không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Lộc Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Xác nhận chị Lộc Thị T1 đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0006072 ngày 24/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan. Nay chị Lộc Thị T1 còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước

[8]: Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53; Điều 55; Điều 57; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lộc Thị T1 và anh Bé Văn T2.

2. Về con chung: Giao cháu Bé Việt Đ, sinh ngày 29/9/2008, và cháu Bé Minh Q, sinh ngày 13/9/2016 cho anh Bé Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Công nhận sự tự nguyện của chị Lộc Thị T1 về việc chị Lộc Thị T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi các con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo từng tháng, trường hợp chậm thanh toán thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên bị yêu cầu chậm trả thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm con chung, không ai được ngăn cản. Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Nợ chung: Xác nhận chị Lộc Thị T1 đã thanh toán xong cho bà Nông Thị T3 số tiền 1.000.000 đồng và đã thanh toán xong cho ông Bé Xuân H số tiền 1.000.000 đồng.

4. Về án phí: Chị Lộc Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Xác nhận chị Lộc Thị T1 đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0006072 ngày 24/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Nay chị Lộc Thị T1 còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Quan, T. Lạng Sơn;
- CCTHADS V, T. Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Bá Hiệp